

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ THANH TOÁN QUỐC TẾ KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP

((Ban hành kèm theo Quyết định số 1776/QĐ-NHKL ngày 01/07/2024 của Tổng Giám đốc
Ngân hàng TMCP Kiên Long))

STT	DỊCH VỤ	MỨC PHÍ	TỐI THIỂU	TỐI ĐA
A	CHUYỂN TIỀN			
I	Chuyển tiền ngoài nước			
1	Chuyển tiền đi bằng điện			
1.1	Phí dịch vụ			
-	Thanh toán trả trước (Chưa có Tờ khai hải quan/ hoặc Tờ khai hải quan chưa thông quan)	0,2%	5 USD	
-	Thanh toán trả sau (Đã có Tờ khai hải quan thông quan)	0,165%	5 USD	
-	Các loại thanh toán khác (*)	0,2% - 0,5%	7 USD	
+	Phí kiểm tra chứng từ > 20 tờ/bộ		7 USD	
1.2	Phí phạt chậm bổ sung chứng từ	10 USD/lần gia hạn		
1.3	Phí đóng hồ sơ bất hợp lệ thanh toán trả trước	50 USD/1 hồ sơ		
1.4	Phí ngoài nước (nếu người chuyển tiền chịu thêm phí ngoài nước)			
-	Đối với USD	28 USD/lệnh chuyển tiền		
-	Ngoại tệ khác	Thu theo thực tế phát sinh		
1.5	Tu chỉnh, tra soát, huỷ lệnh chuyển tiền	10 USD/lần (bao gồm điện phí) + phí trả ngân hàng nước ngoài (nếu có)		
2	Nhận tiền chuyển đến bằng điện (nguồn từ nước ngoài)			
2.1	Phí dịch vụ	0,05%	5 USD	100 USD
2.2	Phí tra soát	10 USD (bao gồm điện phí) + phí trả ngân hàng nước ngoài (nếu có)		
2.3	Thoái hồi lệnh chuyển tiền	10 USD (bao gồm điện phí) + phí trả ngân hàng nước ngoài (nếu có)		
B	NHỜ THU NGOÀI NƯỚC			
I	Nhờ thu gửi đến			
1	Nhận và xử lý bộ chứng từ nhờ thu/Tu chỉnh chỉ thị nhờ thu	5 USD		
2	Thanh toán kết quả nhờ thu	0,165%	10 USD	
3	Ký hậu vận đơn/phát hành ủy quyền nhận hàng	2 USD		
4	Phát hành thư bảo lãnh nhận hàng	50 USD		
5	Từ chối thanh toán nhờ thu nhập khẩu	5 USD + Phí thực tế phát sinh (nếu có)		
6	Tra soát nhờ thu	10 USD		
7	Chuyển tiếp chứng từ nhờ thu cho ngân hàng khác	20 USD + phí thực tế phát sinh (nếu có)		
II	Nhờ thu gửi đi			
1	Gửi nhờ thu đi nước ngoài	Thu bưu phí theo thực tế phát sinh		
2	Thanh toán kết quả nhờ thu			
-	Séc, Hối phiếu	0,2%	10 USD	100 USD
-	Bộ chứng từ nhờ thu	0,15%	10 USD	200 USD
3	Huỷ nhờ thu theo yêu cầu của người nhờ thu	15 USD/lần (bao gồm điện phí) + chi phí thực tế phải trả cho ngân hàng nước ngoài (nếu có)		
4	Sửa đổi chỉ thị nhờ thu theo yêu cầu	15 USD/lần (bao gồm điện phí)		
5	Tra soát nhờ thu	10 USD/lần (bao gồm điện phí)		
C	TÍN DỤNG CHỨNG TỪ			
I	Thư tín dụng xuất khẩu			
1	Thông báo/Sơ báo thư tín dụng			
-	KienlongBank là ngân hàng thông báo trực tiếp	15 USD		
-	KienlongBank là ngân hàng thông báo thứ nhất	20 USD		
-	KienlongBank là ngân hàng thông báo thứ hai	Miễn phí		

2	Thông báo tu chỉnh thư tín dụng			
-	KienlongBank là ngân hàng thông báo trực tiếp	5 USD		
-	KienlongBank là ngân hàng thông báo thứ nhất	15 USD		
-	KienlongBank là ngân hàng thông báo thứ hai	Miễn phí		
3	Xử lý bộ chứng từ			
-	Bộ chứng từ xuất trình tại KienlongBank	Miễn phí		
-	Bộ chứng từ đã kiểm tra bàn thảo hoặc kiểm tra xong, nhưng khách hàng xuất trình tại ngân hàng khác	20 USD/bộ		
4	Thanh toán bộ chứng từ xuất khẩu	0,15%	10 USD	150 USD
5	Chuyển nhượng thư tín dụng xuất khẩu	0,1%	30 USD	200 USD
6	Tu chỉnh chuyển nhượng			
-	Tu chỉnh tăng số tiền	0,1%	30 USD	200 USD
-	Tu chỉnh khác	30 USD		
7	Xác nhận thư tín dụng	0,15%/tháng	50 USD	
II	Thư tín dụng nhập khẩu			
1	Phát hành thư tín dụng (**)			
1.1	Ký quỹ 100%	0,05%	20 USD	
1.2	Ký quỹ <100%			
-	Tài sản đảm bảo là sổ tiết kiệm hoặc Giấy tờ có giá do KienlongBank phát hành (đảm bảo 100% giá trị LC)	0,075%	50 USD	
-	Tài sản đảm bảo là tài sản khác		50 USD	
+	Số tiền ký quỹ	0,075%		
+	Số tiền không ký quỹ	0,1%		
1.3	Miễn ký quỹ	0,1%	50 USD	
2	Tu chỉnh thư tín dụng			
2.1	Tu chỉnh tăng số tiền (**)	Như phát hành thư tín dụng		
2.2	Các tu chỉnh khác	20 USD		
3	Ký hậu vận đơn/phát hành ủy quyền nhận hàng	5 USD		
4	Bảo lãnh nhận hàng	50 USD/bảo lãnh		
5	Chấp nhận hối phiếu/ chấp nhận thanh toán thư tín dụng trả chậm (phí tính theo ngày)	Tính theo ngày trên cơ sở: 1 năm = 365 ngày, 1 tháng = 30 ngày, từ ngày khách hàng chấp nhận thanh toán đến ngày đáo hạn, tối thiểu 30 ngày		
-	Ký quỹ 100%	0,03%/ tháng	50 USD	
-	Ký quỹ <100%	0,08%/ tháng	50 USD	
6	Thanh toán thư tín dụng	0,2%	20 USD	
7	Phí bất hợp lệ (thu KH nước ngoài)	50 USD		
8	Hủy thư tín dụng	20 USD + Phí trả ngân hàng nước ngoài (nếu có)		
9	Hoàn trả bộ chứng từ	20 USD + phí thực tế phát sinh (nếu có)		
10	Phí xử lý chứng từ/ bộ chứng từ (thu KH nước ngoài)	30 USD		
11	Phí xuất trình thiếu 01 bộ chứng từ bản copy/ bộ chứng từ (thu KH nước ngoài)	10 USD		
D	ĐIỆN PHÍ QUỐC TẾ QUA SWIFT			
-	Phát hành thư tín dụng	25 USD		
-	Phát hành thư bảo lãnh/chuyển nhượng L/C	20 USD		
-	Điện chuyển tiền	7 USD		
-	Điện tu chỉnh L/C	10 USD		
-	Điện khác	10 USD		

Nguyên tắc thu phí:

(*) **Giám đốc Đơn vị có thẩm quyền quyết định tỷ lệ thu phí trong phạm vi này.**

(**) **Đối tượng không chịu thuế theo Luật Thuế GTGT**

1. Các phí trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT). Khi thu phí dịch vụ KienlongBank sẽ tính và thu thuế VAT theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Mức phí ngoại tệ thu bằng VND và được quy đổi theo tỷ giá bán ngoại tệ chuyển khoản niêm yết tại thời điểm thu của KienlongBank.
3. Các dịch vụ có phát sinh điện phí, bưu phí sẽ thu thêm điện phí, bưu phí theo thực tế phát sinh.
4. Thuế và các chi phí thực tế khác như chi phí phải trả cho bên thứ ba tham gia dịch vụ (nếu có), sẽ thu theo thực tế phát sinh.
5. Phí dịch vụ đã thu sẽ không hoàn lại nếu khách hàng hủy bỏ dịch vụ, hoặc dịch vụ không thực hiện được vì sự cố không phải do lỗi của KienlongBank
6. Phí dịch vụ được thu từng lần ngay khi phát sinh, hoặc thu một lần sau khi kết thúc dịch vụ, hoặc thu theo định kỳ thỏa thuận với khách hàng
7. Đối với những dịch vụ thanh toán quốc tế thực hiện tại ngân hàng khác thông qua KienlongBank, thu theo phí thực tế phát sinh.
8. Trường hợp có Hợp đồng/Thỏa thuận giữa KienlongBank và khách hàng, hoặc sản phẩm dịch vụ có quy định thu phí riêng, đơn vị thực hiện thu phí theo Hợp đồng/Thoả thuận/Quy định của sản phẩm dịch vụ.
9. Đối với mức phí quy định theo tỷ lệ % thì phí thu được tính theo tỷ lệ% x giá trị giao dịch tương ứng.